



Số: **023006** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 21081.19



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : KEM DẦU NHÃN HIỆU NHÓC KEM VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-13
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 cây x 80 g
Ngày nhận mẫu : 11/10/2019
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	HD.PP.18.01/TT.VS (TCVN 5518-2:2007) (b) (d)	< 10 CFU /g	14/10/2019
2	Salmonella spp.	HD.PP.10.02/TT.VS (AOAC 967.27 - 2016) (b) (d)	Không phát hiện /25g	14/10/2019

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

22-10-2019

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



★ TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **023007** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 21082.19



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : KEM DÂU NHÃN HIỆU NHÓC KEM VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-13
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 cây x 80 g
Ngày nhận mẫu : 11/10/2019
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/10/2019
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/10/2019
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/10/2019
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/10/2019

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22-10-2019**
VIỆN TẠO VIÊN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN
CÔNG CỘNG
TP. HỒ CHÍ MINH
TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 023010 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 21083.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : KEM DẦU NHÃN HIỆU NHÓC KEM VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-13
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 cây x 80 g
Ngày nhận mẫu : 11/10/2019
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	19/10/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22-10-2019**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **023008** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 21084.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : KEM DẦU NHÃN HIỆU NHÓC KEM VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-13
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 cây x 80 g
Ngày nhận mẫu : 11/10/2019
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	HD.PP.65/TT.SK (LC/MS/MS) (TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010))	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	21/10/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22-10-2019**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **023009** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 21085.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : KEM DÂU NHÃN HIỆU NHÓC KEM VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-13
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 cây x 80 g
Ngày nhận mẫu : 11/10/2019
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aldrin và dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/10/2019
2	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/10/2019
3	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	13/10/2019
4	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	13/10/2019
5	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	13/10/2019
6	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/10/2019
7	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	13/10/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

22-10-2019

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày
TU QU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **023267** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 21086.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : KEM DẦU NHÃN HIỆU NHÓC KEM VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-13
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 cây x 80 g
Ngày nhận mẫu : 11/10/2019
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	13/10/2019
2	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	13/10/2019
3	Cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	13/10/2019
4	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	13/10/2019
5	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	13/10/2019
6	Alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	13/10/2019
7	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	15/10/2019
8	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	15/10/2019
9	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	15/10/2019
10	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	13/10/2019
11	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/10/2019
12	Dexamethasone	HD.PP.08-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	13/10/2019



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	15/10/2019
14	Clortetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	17/10/2019
15	Oxytetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	17/10/2019
16	Tetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	17/10/2019
17	Dihydrostreptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	20/10/2019
18	Streptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	20/10/2019
19	Gentamicin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	20/10/2019
20	Spiramycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/10/2019
21	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/10/2019
22	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	15/10/2019
23	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	20/10/2019
24	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/10/2019
25	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	20/10/2019
26	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/10/2019
27	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	15/10/2019
28	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	19/10/2019
29	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	19/10/2019
30	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	13/10/2019
31	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	13/10/2019
32	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	13/10/2019
33	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	13/10/2019
34	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	15/10/2019
35	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	19/10/2019
36	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	13/10/2019
37	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	13/10/2019
38	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	15/10/2019

Mã số mẫu: 21086.19

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **23-10-2019**

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



T.S. Nguyễn Đức Thịnh

